



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4775 /MB-HS
V/V: Công bố thông tin định kỳ về tình
hình sử dụng vốn trái phiếu

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý Nhà đầu tư

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: **Ngân hàng TMCP Quân Đội**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.6266.1088
- Số Fax: 024.6266.1080
- Địa chỉ thư điện tử: info@mbbank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần – Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính :

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

- 1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- 2) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;



- d) Bao thanh toán trong nước.
- 3) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- 4) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
- a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
- b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- 5) Mở tài khoản:
- a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- 6) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- 7) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- 8) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- 9) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- 10) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- 11) Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- 12) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 13) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 14) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 15) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 16) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 17) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.



[Handwritten signature]

- 18) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.
- 19) Lưu ký chứng khoán.
- 20) Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
- 21) Ví điện tử.
- 22) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- 23) Mua nợ.
- 24) Kinh doanh giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật.
- 25) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- 26) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

2. Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành:

Căn cứ các phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt của từng đợt tại năm 2017, 2018, 2019, 2021, 2022

- Tổng khối lượng huy động từ phát hành trái phiếu (theo mệnh giá) và khối lượng phát hành theo từng mã trái phiếu.

MÃ TRÁI PHIẾU	TỔNG MỆNH GIÁ (Đơn vị VNĐ)
MB.2018.10Y.01	170.000.000.000
MB.2018.10Y.02	140.000.000.000
MB.2018.10Y.03	25.000.000.000
MB.2018.10Y.04	45.000.000.000
MB.2018.10Y.05	20.000.000.000
MB.2018.5Y.01	200.000.000.000
MB.2018.5Y.02	160.000.000.000
MB.2018.5Y.03	70.000.000.000
MB.2018.5Y.04	300.000.000.000
MB.2018.5Y.05	600.000.000
MB.2018.5Y.12	200.000.000.000
MB.2018.5Y.15	50.000.000.000
MB.2018.5Y.16	150.000.000.000
MB.2018.5Y.17	500.000.000.000
MB.2018.7Y.01	40.000.000.000
MB.2018.7Y.02	400.000.000.000
MB.2019.10Y.01	60.000.000.000
MB.2019.5Y.01	50.000.000.000
MB.BOND.2017.02.5Y.01	300.000.000.000
MB.BOND.2017.10Y.01	500.000.000.000
MB.BOND.2017.10Y.08	20.000.000.000
MB.BOND.2017.5Y.01	500.000.000.000
MB.BOND.2017.5Y.02	300.000.000.000
MB.BOND.2017.5Y.03	100.000.000.000
MB.BOND.2017.5Y.04	50.000.000.000



MÃ TRÁI PHIẾU	TỔNG MỆNH GIÁ (Đơn vị VNĐ)
MB.BOND.2017.5Y.05	25.600.000.000
MB.BOND.2017.5Y.06	50.000.000.000
MB.BOND.2017.5Y.09	25.800.000.000
MB.BOND.2017.5Y.11	9.400.000.000
MB.BOND.2017.5Y.12	15.000.000.000
MB.BOND.2017.5Y.15	3.500.000.000
MB.BOND.2017.5Y.17	410.000.000.000
MB.BOND.2017.7Y.07	100.000.000.000
MB.BOND.2017.7Y.10	60.000.000.000
MB.BOND.2017.7Y.13	200.000.000.000
MB.BOND.2017.7Y.14	600.000.000.000
MB.BOND.2017.7Y.16	25.000.000.000
MB.2019.10Y.02	80.000.000.000
MBBL2128001	170.000.000.000
MBBH2128002	100.000.000.000
MBBL2128003	100.000.000.000
MBBL2128004	120.000.000.000
MBBL2128005	245.000.000.000
MBBL2128006	515.000.000.000
MBBL2128007	100.000.000.000
MBBL2128008	200.000.000.000
MBBL2128009	220.000.000.000
MBBL2128010	100.000.000.000
MBBL2128011	80.000.000.000
MBBL2128012	150.000.000.000
MBBL2128013	200.000.000.000
MBBL2128014	1.000.000.000
MBBL2128016	397.000.000.000
MBBL2128017	300.000.000.000
MBBL2128018	400.000.000.000
MBBL2128019	299.000.000.000
MBBL2128021	20.000.000.000
MBBL2128025	1.000.000.000.000
MBBL2128029	30.000.000.000
MBBL2128030	3.000.000.000
MBBL2225001	700.000.000.000
MBBL2225002	1.000.000.000.000
MBBL2225003	700.000.000.000
MBBL2225004	2.000.000.000.000
MBBL2225005	200.000.000.000
MBBL2225011	1.300.000.000.000
MBBL2225013	2.500.000.000.000

00283
 ANHÀ
 ƯƠNG
 Ô PHẢ
 HÂN Đ
 LẤY - T

MÃ TRÁI PHIẾU	TỔNG MỆNH GIÁ (Đơn vị VNĐ)
MBBL2227006	360.000.000.000
MBBL2227007	50.000.000.000
MBBL2227008	40.000.000.000
MBBL2227015	50.000.000.000
MBBL2229009	100.000.000.000
MBBL2229010	1.010.000.000.000
MBBL2229012	100.000.000.000
MBBL2229014	30.000.000.000
MBBL2229016	50.000.000.000
Tổng*	20.894.900.000.000

*Số liệu chốt tại ngày 30/06/2022

- Mục đích sử dụng vốn:

MÃ TRÁI PHIẾU	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN
MB.BOND.2017.5Y.02	Giúp NH đa dạng kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; bổ sung nguồn vốn cấp 2 và vốn tự có theo quy định của NHNN.
MB.BOND.2017.10Y.01	
MB.BOND.2017.5Y.01	
MB.BOND.2017.5Y.03	
MB.BOND.2017.5Y.04	
MB.BOND.2017.5Y.05	
MB.BOND.2017.5Y.06	
MB.BOND.2017.10Y.08	
MB.BOND.2017.7Y.07	
MB.BOND.2017.5Y.09	
MB.BOND.2017.7Y.10	
MB.BOND.2017.5Y.11	
MB.BOND.2017.5Y.12	
MB.BOND.2017.7Y.13	
MB.BOND.2017.7Y.14	
MB.BOND.2017.5Y.15	
MB.BOND.2017.5Y.17	Nhằm giúp NH đa dạng kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; bổ sung nguồn vốn cấp 2 và vốn tự có theo quy định của NHNN.
MB.BOND.2017.7Y.16	
MB.BOND.2017.02.5Y.01	Giúp MB đa dạng giá kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn
MB.2018.10Y.01	
MB.2018.5Y.01	
MB.2018.10Y.02	



MÃ TRÁI PHIẾU	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN
MB.2018.5Y.02	huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; Bổ sung vốn tự có cấp 2 và tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng.
MB.2018.5Y.03	
MB.2018.5Y.04	
MB.2018.5Y.05	
MB.2018.10Y.03	
MB.2018.10Y.04	
MB.2018.10Y.05	
MB.2018.7Y.01	
MB.2018.5Y.15	
MB.2018.7Y.02	
MB.2018.5Y.12	
MB.2018.5Y.16	
MB.2018.5Y.17	
MB.2019.10Y.01	Tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng và bổ sung vốn tự có cấp 2 theo quy định của Ngân hàng nhà nước.
MB.2019.5Y.01	
MB.2019.10Y.02	Bổ sung vốn cấp 2 dài hạn theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2021 và các năm tiếp theo.
MBBL2128001	
MBBL2128002	
MBBL2128003	
MBBL2128004	
MBBL2128005	
MBBL2128006	
MBBL2128007	
MBBL2128008	
MBBL2128010	
MBBL2128009	
MBBL2128011	
MBBL2128012	
MBBL2128013	
MBBL2128014	
MBBL2128016	
MBBL2128018	
MBBL2128019	
MBBL2128021	
MBBL2128017	
MBBL2128025	
MBBL2128029	
MBBL2128030	
MBBL2225001	Phục vụ nhu cầu cấp tín dụng cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của NH nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo.
MBBL2225002	
MBBL2225003	
MBBL2225004	



MÃ TRÁI PHIẾU	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN
MBBL2225005	Bổ sung vốn cấp 2 dài hạn theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.
MBBL2225011	
MBBL2225013	
MBBL2227006	
MBBL2227007	
MBBL2227008	
MBBL2229009	
MBBL2229010	
MBBL2229012	
MBBL2229014	
MBBL2227015	
MBBL2229016	

3. Tình hình sử dụng vốn và tiến độ giải ngân:

Đơn vị: VNĐ

	Mục đích sử dụng	Kế hoạch	Đã sử dụng
A. Đối với tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán			
1	Tăng vốn cấp 2		
	- Hoạt động cho vay	12.494.900.000.000	12.494.900.000.000
	- Hoạt động đầu tư		
	- Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành		
2	Tăng quy mô vốn khác		
	- Hoạt động cho vay	8.400.000.000.000	8.400.000.000.000
	- Hoạt động đầu tư		
	- Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành		
	Tổng	20.894.900.000.000	20.894.900.000.000

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

1873.
ANG
MẠI
ÂN
ĐỘI
IP. HIA

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI NV&KDTT**



Nguyễn Minh Châu